

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1		25,200,990,105,600	4,203,730,441,219
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	2		-39,544,785,114,256	-3,582,760,516,259
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5		-1,920,826,376	-1,989,532,399
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6		88,242,333,305,134	18,528,601,551,623
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7		-75,719,041,347,275	-18,494,913,844,999
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8		0	0
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9		0	0
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		-93,868,074,940	-40,833,842,890
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		-47,555,553,860	-33,253,916,023
10. Tiền chi trả lãi vay	12		-155,481,114,407	-60,882,613,738
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		-20,682,524,533	0
12. Tiền thu khác	14		21,302,168,408	511,787,303
13. Tiền chi khác	15		-27,830,995,548	-4,615,254,251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-2,146,539,972,053	513,594,259,586
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-168,156,037,367	-28,572,180,660
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	643,274,900
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-84,027,000,000	-450,208,540,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84,113,497,200	20,652,420,889
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-344,902,283,083	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		99,336,400,000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		108,481,820,626	43,416,891,329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-305,153,602,624	-414,068,133,542
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		535,550,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-535,550,000,000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6,421,414,382,000	919,114,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-3,096,107,539,902	-720,023,825,400
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-2,316,510,700	-2,737,108,558
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-123,890,804,346	-37,724,063,067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,199,099,527,052	158,629,002,975
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		747,405,952,375	258,155,129,019
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		671,897,178,443	413,742,049,424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	1,419,303,130,818	671,897,178,443

Người lập biểu

Nguyễn Đình Vũ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Châu

TP.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Tổng giám đốc



Nguyễn Hồ Nam